

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 43/1998/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 07/1998-NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi)

Căn cứ các luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

Thi hành Điều 42 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện miễn thuế, giảm thuế quy định tại Nghị định này như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng qui định tại Điều 3 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), bao gồm:

I. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:

Doanh nghiệp Nhà nước;

Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp;

Hợp tác xã;

Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần;

Doanh nghiệp tư nhân;

Cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

II. Doanh nghiệp do người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

III. Doanh nghiệp do người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

IV. Doanh nghiệp do công dân Việt Nam cùng thành lập với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, với người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam.

V. Tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam mua cổ phần hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp trong nước, kể cả các doanh nghiệp Nhà nước được đa dạng hoá sở hữu hoặc các quỹ đầu tư tự chủ tài chính.

Các đối tượng nêu tại mục I, II, III, IV phần A Thông tư này chỉ được hưởng ưu đãi về thuế theo qui định của Nghị định số 07/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần B Thông tư này khi:

Hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

Đã đăng ký nộp thuế.

B. HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

I- Miễn thuế, giảm thuế doanh thu và thuế lợi tức cho các dự án đầu tư thành lập và phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh:

Các cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư thành lập và phát triển cơ sở sản xuất, kinh doanh theo qui định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP được hưởng các mức ưu đãi miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo qui định tại các Điều 31, 32, 33, 34 của Nghị định số 07/1998/NĐ-CP. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện việc đăng ký thuế và đồng thời gửi hồ sơ đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

1. Hồ sơ gồm có:

Quyết định thành lập (nếu có) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ Kế hoạch và đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên và đóng dấu của doanh nghiệp).

Tờ khai đăng ký thuế.

Đơn đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có đầy đủ chữ ký của người đại diện hợp pháp và con dấu của đơn vị (nếu có).

Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải ra thông báo về việc thực hiện mức miễn thuế, giảm thuế và thời hạn được miễn thuế, giảm thuế đã ghi trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trường hợp kiểm tra hồ sơ của đơn vị không hợp lệ hoặc không đúng đối tượng qui định của Nghị định số 07/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần A Thông tư này, thì trong thời hạn chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo cho đơn vị biết.

2. Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế hàng năm: Việc giảm thuế doanh thu; miễn thuế, giảm thuế lợi tức cho các dự án đầu tư thành lập và phát triển cơ sở sản xuất, kinh doanh do cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở thực hiện khi quyết toán thuế hàng năm. Hàng tháng trong năm được miễn thuế, giảm thuế cơ sở sản xuất, kinh doanh tạm thời kê khai và nộp thuế theo mức thuế ưu đãi đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Hết năm khi quyết toán thuế cơ quan thuế thông báo chính thức về số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Nếu số thuế cơ sở đã nộp trong năm chưa đủ so với số thuế phải nộp ghi trong thông báo thì cơ sở phải nộp đủ số thuế còn thiếu theo đúng thời hạn ghi trong thông báo thuế, trường hợp cơ sở trong năm nộp thừa so với số thuế ghi trong thông báo thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. Trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế nếu phát hiện cơ sở có hành vi khai man, trốn thuế thì ngoài việc truy thu thuế và xử phạt theo luật định, số thuế cơ sở phải nộp do bị truy thu không được miễn thuế, giảm thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế doanh thu và thuế lợi tức theo qui định tại các Điều 16, 17, 18, 19 Nghị định số 29/CP ngày 12/5/1995 của Chính phủ thì vẫn tiếp tục được hưởng các mức ưu đãi về thuế cho đến hết thời gian còn lại đã ghi trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp và việc thực hiện miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại Mục I, Phần B Thông tư này.

Đối với các dự án đầu tư thành lập và phát triển cơ sở sản xuất, kinh doanh nhưng không đủ điều kiện được hưởng ưu đãi về thuế doanh thu, thuế lợi tức theo quy định của Luật khuyến

khích đầu tư trong nước (sửa đổi) và Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15-01-1998, thì không thuộc phạm vi áp dụng của Thông tư này. Việc miễn thuế, giảm thuế cho các đối tượng này vẫn thực hiện theo quy định của Luật thuế doanh thu, Luật thuế lợi tức hiện hành.

II. Miễn thuế lợi tức đối với các dự án đầu tư mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có. Điều 35 của Nghị định số 07/1998/NĐ-CP quy định: "Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư theo hình thức qui định tại Khoản 2, Điều 2 của Nghị định này được miễn 01 năm thuế lợi tức cho phần lợi nhuận tăng thêm kể từ năm phát sinh lợi nhuận chịu thuế. Lợi nhuận dùng để tái đầu tư thì không tính vào số lợi nhuận chịu thuế". Để được miễn thuế theo qui định trên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

Có thực chi về đầu tư, không kể số thực chi từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn tự bổ sung: vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản.

Việc đầu tư phải gắn với hiệu quả kinh tế thể hiện ở số lợi nhuận của năm sau cao hơn năm trước (năm đầu tư).

Đối với các khoản lợi nhuận thu được trong năm, nếu doanh nghiệp đã thực chi để tái đầu tư theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì không tính vào lợi nhuận chịu thuế trong năm.

Trong năm được xét miễn thuế, cơ sở sản xuất, kinh doanh nêu tại Mục II.B Thông tư này được tạm giữ lại một phần số thuế lợi tức phải nộp, nhưng không quá 50% số thuế lợi tức của phần lợi nhuận tăng thêm theo dự án đầu tư và không quá 30% số thuế lợi tức phải nộp theo kế hoạch năm của cơ sở. Hết năm khi quyết toán thuế cơ quan thuế kiểm tra đối chiếu với các điều kiện trên để ra thông báo về việc miễn thuế hoặc lý do từ chối thực hiện miễn thuế cho cơ sở. Trường hợp cơ sở được miễn thuế thì số thuế tạm nộp thừa trong năm của cơ sở được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ sau.

Ví dụ:

Công ty A năm 1997 huy động vốn để đầu tư mở rộng sản xuất. Tổng lợi nhuận chịu thuế thực hiện năm 1997 là 500 triệu đồng và tổng lợi nhuận chịu thuế thực hiện năm 1998 là 600 triệu đồng. Như vậy, phần lợi nhuận tăng thêm được miễn thuế là 100 triệu đồng.

Cũng ví dụ trên nếu công ty A trong năm 1998 đã sử dụng 50 triệu đồng từ lợi nhuận thực hiện để chi tái đầu tư theo dự án đầu tư đã được duyệt thì phần lợi nhuận này không tính vào lợi nhuận chịu thuế. Khi đó tổng lợi nhuận chịu thuế năm 1998 là 550 triệu đồng và phần lợi nhuận tăng thêm được miễn thuế là 50 triệu đồng.

III. Miễn thuế lợi tức hoặc thuế thu nhập cá nhân đối với phần lợi nhuận được hưởng của các tổ chức, cá nhân trực tiếp mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp trong nước, kể cả doanh nghiệp Nhà nước được đa dạng hoá sở hữu hoặc các quỹ đầu tư tự chủ tài chính.

Theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP thì: Tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam mua cổ phần hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp trong nước, kể cả các doanh nghiệp Nhà nước được đa dạng hoá sở hữu hoặc các quỹ đầu tư tự chủ tài chính, được miễn thuế lợi tức hoặc thuế thu nhập cá nhân, kể cả thuế thu nhập bổ sung (nếu có) đối với phần lợi nhuận được hưởng trong thời hạn ba năm liên tục kể từ khi được hưởng lần đầu. Thời hạn miễn thuế được xác định theo năm tài chính của các doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư tự chủ tài chính nêu trên. Để thực hiện được việc miễn thuế theo quy định trên thì doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư tự chủ tài chính khi chia lãi cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần hoặc góp vốn phải có quyết định chia lãi, trong đó ghi rõ các nội dung:

Thời gian bắt đầu mua cổ phần hoặc góp vốn.

Mức mua cổ phần hoặc góp vốn.

Số lần chia lãi và mức lãi được chia của mỗi lần cho từng tổ chức, cá nhân mua cổ phần hoặc góp vốn.

Quyết định chia lãi phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư tự chủ tài chính làm căn cứ để cơ quan thuế thực hiện miễn thuế cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần hoặc góp vốn.

Cơ quan thuế chỉ thực hiện miễn thuế cho tổ chức, cá nhân xuất trình được quyết định chia lãi của doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp) và miễn thuế riêng đối với từng khoản vốn góp hoặc cổ phần của tổ chức, cá nhân.